

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 19/01/2018

“V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Phạm Tuấn;

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Huỳnh Bình.

2. Ông Trịnh Xuân Thập.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bình – Thư ký;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2012/TLST-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2012, về việc *“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX-DS ngày 20/11/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2016/QĐST-DS ngày 20/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: 108 T, Quận H, T phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1983, chức vụ: Cán bộ Tổ xử lý nợ; địa chỉ: 13/1 Khu phố 4, phường B, T phố B, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Số 77D H, phường T, T phố B, tỉnh Đồng Nai (Theo giấy ủy quyền số 522 ngày 26/5/2017).

Bị đơn: Bà Hồ Thị Thu S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hồ Thị Yến T, sinh năm 1967.

- Ông Nguyễn Tự C, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: 5/4A đường Cách Mạng Tháng 8, phường H, T phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Số 17/7, Khu phố 3, phường Q, T phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- Bà Hồ Thị Yến Vy, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 11/2A, Khu phố 2, phường B, T phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1951

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Ông T và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa).

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959

- Bà Trần Thị A, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo ủy quyền của bà A là ông Nguyễn Văn M (theo giấy ủy quyền ngày 03/7/2012), (Ông M và bà A có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 01/02/2012, đơn đề nghị rút một phần nội dung khởi kiện ngày 10/11/2015; bản tự khai ngày 19/01/2018 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C ông Nguyễn Duy Q trình bày:*

Ngày 26/9/2007, Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh L (viết tắt là Ngân hàng) và bà Hồ Thị Thu S tự nguyện ký hợp đồng tín dụng số 07010219/HĐTD, sau đó ký các phụ lục hợp đồng vào các ngày 01/06/2008, ngày 25/02/2008, ngày 23/06/2008 và ngày 01/6/2009 với nội dung như sau: Ngân hàng cho bà Hồ Thị Thu S vay số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn); thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay để kinh doanh cát, san lấp mặt bằng; lãi suất cho vay là 1,05%/01 tháng; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trung hạn. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng nêu trên giữa ngân hàng và bên thứ ba có ký 02 hợp đồng thế chấp tài sản là QSD đất cụ thể: Hợp đồng thế chấp số: 07010219-1/TC ký kết ngày 26/9/2007 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị A; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh L và hợp đồng thế chấp số: 07010219-2/TC ký kết ngày 26/9/2007 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh L. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Hồ Thị Thu S số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) theo giấy nhận nợ ngày 26/9/2007.

Ngày 28/5/2008, Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh L và bà Hồ Thị Thu S tự nguyện ký hợp đồng tín dụng số 08030037/HĐTD với nội dung như sau: Ngân hàng cho bà Hồ Thị Thu S vay số tiền 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay để kinh doanh vật liệu xây dựng; lãi suất cho vay là 1,50%/01 tháng; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trung hạn; lãi trả 03 tháng 01 lần; nợ gốc trả cuối kỳ. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng này giữa Ngân hàng và bên thứ ba là ông Nguyễn Tự C, bà Hồ Thị Yên T có ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 08030037/BLTC ký kết ngày 26/5/2008, được Văn phòng công chứng số 4 nội dung thế chấp các thửa đất số 160, 165, 166, 211, 212, 213, 214 tờ bản đồ số 42; thửa đất 189 tờ bản đồ số 41; các thửa số 14, 393, 457 tờ bản đồ số 32; các thửa đất số 168, 169, 170, 209 tờ bản đồ số 31; các thửa đất

số 97, 242 tờ bản đồ số 27; thửa đất số 19 tờ bản đồ số 24; thửa đất số 197 tờ bản đồ số 22 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo các giấy chứng nhận QSD đất số L 427886, số L 427972 do UBND huyện X (nay là huyện C) cấp và số AH 880118, AH 880117, AH 880116, AH 880115, AH 880114 do UBND huyện C cấp có tổng diện tích 80.781m². Ngân hàng đã giải ngân cho bà Hồ Thị Thu S số tiền 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng) theo giấy nhận nợ ngày 28/5/2008. Thực tế, khi đến hạn trả nợ lãi số tiền vay trên bà Hồ Thị Thu S chỉ trả cho Ngân hàng được số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nợ gốc, chưa trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/11/2015 ngân hàng tự nguyện rút một phần nội dung khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng tín dụng số 07010219/HĐTD và hợp đồng thế chấp tài sản số 07010219-1/TC, số 07010219-2/TC và không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với nội dung: bị đơn phải bồi thường cho Ngân hàng phí phạt chậm trả, mọi khoản chi phí, thiệt hại phát sinh trong quá trình Ngân hàng xử lý khoản nợ có vấn đề, tham gia tố tụng, thi hành án, bao gồm cả những khoản Ngân hàng phải ứng trước để truy tìm, áp dụng các biện pháp bảo đảm tài sản, xử lý nợ để tham gia vụ kiện. Chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng tín dụng số 08030037/HĐTD ngày 28/5/2008 buộc bà Hồ Thị Thu S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 2.897.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 19/01/2018 là 4.618.098.813 đồng (Bốn tỷ sáu trăm mười tám triệu không trăm chín mươi tám ngàn tám trăm mười ba đồng), trong đó: tiền lãi trong hạn là 611.175.000 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 4.066.923813 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 08030037/HĐTD ngày 28/5/2008 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 01/6/2009. Trường hợp bà Hồ Thị Thu S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ trên thì xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng số 08030037/BLTC ký kết ngày 26/5/2008 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Tự C, bà Hồ Thị Yến T để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

** Tại bản tự khai ngày 04/11/2015, bị đơn bà Hồ Thị Thu S trình bày:* Bà S thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số: 07010219/HĐTD ngày 26/09/2007, giấy nhận nợ ngày 01/10/2007, số tiền vay là 1.800.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng số: 08030037/HĐTD ngày 28/5/2008, giấy nhận nợ ngày 28/05/2008, số tiền vay là 2.900.000.000 đồng và các chữ ký, chữ viết trên tất cả các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nêu trên là chữ ký, chữ viết của bà. Số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay như Ngân hàng TMCP C khởi kiện là đúng. Song thực tế bà chỉ đứng tên vay tiền của Ngân hàng giúp bà Hồ Thị Yến V (chị em chú bác với bà), toàn bộ tiền giải ngân của Ngân hàng bà không được nhận, không được sử dụng mà là bà V trực tiếp nhận từ Ngân hàng, lấy để sử dụng. Bà V là người trả tiền lãi, tiền gốc cho Ngân hàng chứ không phải bà trả. Nay Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu bà có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng như trên thì bà không đồng ý và yêu cầu bà Hồ Thị Yến V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng vì thực tế bà không sử dụng số tiền vay trên. Bà S khẳng định không có yêu cầu phản tố trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà tại Tòa. Còn nếu Tòa án buộc bà phải trả nợ

cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án xử lý đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 số: 08030037/BLTC ký ngày 26/5/2008 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Tụ C, bà Hồ Thị Yến T.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai có tại hồ sơ ông M, bà A trình bày: Ông bà không ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 số 07010219-1/TC ngày 26/9/2007 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị A và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh L. Còn chữ ký, chữ viết trên hợp đồng này không phải của ông bà. Ông M, bà A có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các bản khai có tại hồ sơ ông T, bà H trình bày: Ông bà không ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 số 07010219-2/TC ngày 26/9/2007 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh L. Còn chữ ký, chữ viết trên hợp đồng này không phải của ông bà. Ông T, bà H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tụ C, bà Hồ Thị Yến T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời khai trong hồ sơ.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Yến V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời khai trong hồ sơ.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP C khởi kiện về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Hồ Thị Thu S có nơi cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn bà Hồ Thị Thu S, ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà S, ông T, bà H, bà A tại phiên tòa là có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tụ C, bà Hồ Thị Yến T, bà Hồ Thị Yến V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa song các đương sự đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà V, bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1]. Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Hồ Thị Thu S có nghĩa vụ trả số nợ gốc là 2.897.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 19/01/2018 là 4.618.098.813 đồng (Bốn tỷ sáu trăm mười tám triệu không trăm chín mươi tám ngàn tám trăm mười ba đồng), trong đó: tiền lãi trong hạn là 611.175.000 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 4.066.923813 đồng.

Bà Hồ Thị Thu S thừa nhận toàn bộ chữ ký, chữ viết trên các trang của hợp đồng tín dụng số 08030037/HĐTD ngày 28/5/2008 giữa Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh L và bà Hồ Thị Thu S và giấy nhận nợ ngày 28/5/2008 là chữ ký, chữ viết của bà. Tuy nhiên bà S cho rằng bà chỉ đứng tên trên hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ giúp cho bà Hồ Thị Yến V, toàn bộ tiền giải ngân của Ngân hàng bà không được nhận, không được sử dụng mà là bà V trực tiếp nhận tiền từ Ngân hàng. Bà V không có bất kỳ ý kiến gì trong vụ án này, Ngân hàng TMCP C không đồng ý với ý kiến này của bà S. Mặt khác, trong bản tự khai ngày 04/11/2015 bà S khẳng định việc thỏa thuận giữa bà và bà V về việc đứng tên giúp trên giấy tờ vay tiền, nhận nợ chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì và cũng không có ai làm chứng, cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, không có căn cứ chứng minh bà V là người trực tiếp vay tiền của Ngân hàng mà người vay tiền của Ngân hàng chính là bà S. Nếu giữa bà S và bà V có giao dịch vay tiền thì bà S có quyền khởi kiện bà V thành vụ án khác khi có yêu cầu. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bà Hồ Thị Thu S có giao dịch vay tiền của Ngân hàng TMCP C số tiền 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 08030037/HĐTD ngày 28/5/2008 là có thật.

Căn cứ Điều 281, Điều 405, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 54, Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004 bà Hồ Thị Thu S phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 2.897.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi phạt quá hạn tại hợp đồng tín dụng số 08030037/HĐTD ngày 28/05/2008 giữa Ngân hàng và bà Hồ Thị Thu S đã thỏa thuận, xét thấy Ngân hàng yêu cầu tính tiền lãi phù hợp với quy định của pháp luật, tổng cộng đến hết ngày 19/01/2018 lãi suất của hợp đồng nêu trên là 4.618.098.813 đồng (Bốn tỷ sáu trăm mười tám triệu không trăm chín mươi tám ngàn tám trăm mười ba đồng), trong đó: tiền lãi trong hạn là 611.175.000 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 4.066.923.813 đồng).

Căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004, buộc bà Hồ Thị Thu S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền lãi là 7.511.098.813 đồng (Bảy tỷ năm trăm mười một triệu không trăm chín mươi tám ngàn tám trăm mười ba đồng).

[2]. Đối với hợp đồng thế chấp số: 08030037/BLTC ký ngày 26/05/2008 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Tự C, bà Hồ Thị Yến T thì thấy: Bên thứ ba là ông Nguyễn Tự C, bà Hồ Thị Yến T là chủ sử dụng hợp pháp các thửa đất số 160, 165, 166, 211, 212, 213, 214 tờ bản đồ số 42; các thửa số 14, 393, 457 tờ bản đồ số 32; các thửa đất số 168, 169, 170, 209 tờ bản đồ số 31; các thửa đất số 97, 242 tờ bản đồ số 27; thửa đất số 19 tờ bản đồ số 24; thửa đất số 197 tờ bản đồ số 22 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 427886 ngày 29/01/1999, số L 427972 ngày 29/01/1999 do UBND huyện X (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai cấp và số AH 880118 ngày 03/5/2007, AH 880117 ngày 03/5/2007, AH 880116 ngày 03/5/2007, AH 880115 ngày 03/5/2007, AH 880114 ngày 03/5/2007; AH 880113 ngày 03/5/2007, AH 880112 ngày 03/5/2007 và AD 341670 ngày

31/10/2005 do UBND huyện C, tỉnh Đ cấp. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng số 4 theo quy định tại Điều 318, 323, 715 Bộ luật dân sự; Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004; Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm. Sau đó các bên đã đăng ký thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Tại văn bản số 87/VB-VPĐK ngày 12/04/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh C cung cấp kết quả trả lời như sau: “Theo hồ sơ địa chính hiện đang lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh C thì các thửa đất nêu trên được cấp cho ông Nguyễn Tự C, sinh năm 1969 và bà Hồ Thị Yên T, sinh năm 1967. Hiện nay các thửa đất nêu trên đang thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng C- Chi nhánh C. Đồng thời không có thay đổi về chủ sử dụng đất so với giấy chứng nhận QSD đất”.

Do các đương sự không có tranh chấp về hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[3]. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với bà Hồ Thị Thu S nội dung không yêu cầu bà S phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 1.800.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 07010219/HĐTD và Hợp đồng thế chấp số: 07010219-1/TC ký kết ngày 26/09/2007 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị A; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh L và hợp đồng thế chấp số: 07010219-2/TC ký kết ngày 26/09/2007 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh L và không yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị Thu S phải bồi thường cho Ngân hàng phí phạt chậm trả, mọi khoản chi phí, thiệt hại phát sinh trong quá trình Ngân hàng xử lý khoản nợ có vấn đề, tham gia tố tụng, thi hành án, bao gồm cả những khoản Ngân hàng phải ứng trước để truy tìm, áp dụng các biện pháp bảo đảm tài sản, xử lý nợ để tham gia vụ kiện là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của Ngân hàng TMCP C.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C được chấp nhận nên bị đơn bà Hồ Thị Thu S phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/0/2012 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền án phí bà S phải nộp là 115.511.098 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm mười một ngàn không trăm chín mươi tám đồng).

Ngân hàng TMCP C không phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp số tiền là 57.424.490 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu số 05437 ngày 16/02/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:
- + Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là đúng.
- + Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.
- + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án dân sự đúng thẩm quyền;
- + Về thời hạn giải quyết vụ: Tòa án kéo dài thời hạn xét xử đối với vụ án kinh doanh thương mại;
- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và HĐXX trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Quang; bị đơn bà hồ Thị Thu S; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: bà Hồ Thị Yến T, ông Nguyễn Tự C, bà Hồ Thị Yến Vy, bà Trần Thị A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.
- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:
- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C đối với bà Hồ Thị Thu S về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” số 08030037/HĐTD ký ngày 26/5/2008. Buộc bà Hồ Thị Thu S phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền gốc là 2.897.000.000 đồng và lãi suất theo quy định và theo thỏa thuận.
- + Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP C buộc bà Hồ Thị Thu S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 07010219/HĐTD ngày 29/6/2007.
- + Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán phát sinh liên quan đến hợp đồng tín dụng số 08030037/HĐTD ngày 28/5/2008 được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất số 160, 165, 166, 211, 212, 213, 214 tờ bản đồ số 42; thửa số 189 tờ bản đồ số 41; các thửa số 14, 393, 457 tờ bản đồ số 32; các thửa đất số 168, 169, 170, 209 tờ bản đồ số 31; các thửa đất số 97, 242 tờ bản đồ số 27; thửa đất số 19 tờ bản đồ số 24; thửa đất số 197 tờ bản đồ số 22 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng thế chấp số: 08030037/BLTC ký ngày 26/05/2008 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Tự C, bà Hồ Thị Yến T.
- + Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Hồ thị Thu S phải chịu theo quy định. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.
- + Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 52, 54, 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004; các điều 281, Điều 318, Điều 323, Điều 342, Điều 405, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 715, Điều 721 Bộ luật dân sự 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/0/2012 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C đối với bà Hồ Thị Thu S về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Hồ Thị Thu S phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền là 7.511.098.813 đồng (Bảy tỷ năm trăm mười một triệu không trăm chín mươi tám ngàn tám trăm mười ba đồng). Trong đó: số tiền gốc là 2.897.000.000 đồng; số tiền lãi là 4.618.098.813 đồng (Bốn tỷ sáu trăm mười tám triệu không trăm chín mươi tám ngàn tám trăm mười ba đồng) (trong đó: tiền lãi trong hạn là 611.175.000 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 4.066.923.813 đồng).

Kể từ ngày 19/01/2017, nếu bà Hồ Thị Thu S chưa thanh toán được số tiền nợ nêu trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 08030037/HĐTD ngày 28/05/2008 giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh L và bà Hồ Thị Thu S, giấy nhận nợ ngày 28/5/2008 và Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 01/6/2009.

2. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán số tiền 7.511.098.813 đồng (Bảy tỷ năm trăm mười một triệu không trăm chín mươi tám ngàn tám trăm mười ba đồng) được bảo đảm bằng quyền sử dụng các thửa đất số: 160, 165, 166, 211, 212, 213, 214 tờ bản đồ số 42; thửa đất số 189 tờ bản đồ số 41; các thửa số 14, 393, 457 tờ bản đồ số 32; các thửa đất số 168, 169, 170, 209 tờ bản đồ số 31; các thửa đất số 97, 242 tờ bản đồ số 27; thửa đất số 19 tờ bản đồ số 24; thửa đất số 197 tờ bản đồ số 22 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 số: 08030037/BLTC ký ngày 26/5/2008 giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh L và ông Nguyễn Tự C, bà Hồ Thị Yến T theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 427886 ngày 29/01/1999, số L 427972 ngày 29/01/1999 do UBND huyện X (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai cấp và số AH 880118 ngày 03/5/2007, AH 880117 ngày 03/5/2007, AH 880116 ngày 03/5/2007, AH 880115 ngày 03/5/2007, AH 880114 ngày 03/5/2007; AH 880113 ngày 03/5/2007; AH 880112 ngày 03/5/2007 và AD

341670 ngày 31/10/2005 do UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp có tổng diện tích là 80.731m².

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP C đối với bà Hồ Thị Thu S về số tiền vay 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 07010219/HĐTD ngày 26/9/2007 và giấy nhận nợ ngày 01/10/2007 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 số: 07010219-1/TC ký kết ngày 26/9/2007 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị A; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh L; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 số: 07010219-2/TC ký kết ngày 26/9/2007 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh L.

4. Về án phí:

- Buộc bị đơn bà Hồ Thị Thu S phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 115.511.098 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm mười một ngàn không trăm chín mươi tám đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 57.424.490 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu số 05437 ngày 16/02/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Riêng bà S, bà T, ông C, bà V, ông T, bà H, bà A, ông M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn